

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/DS - PT
Ngày 05 - 9 - 2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
đòi lại tài sản và hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung Vân;

Các Thẩm phán:

Bà Lương Thị Hồng;

Bà Chu Thị Nguyễn Phin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà
Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2017/TLPT- DS ngày 13/7/2017 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi lại tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2017/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị K; cư trú tại: Thôn K, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (đã chết ngày 09/8/2016).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn:

1. Ông Triệu Văn C; cư trú tại: Thôn V, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.
2. Ông Triệu Văn D (đã chết năm 2016).
3. Ông Triệu Văn Đ;
4. Ông Triệu Văn U;

Ông Triệu Văn D, ông Triệu Văn Đ, ông Triệu Văn U cùng cư trú tại: Thôn K, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; ông Triệu Văn Đ, ông Triệu Văn U có mặt .

5. Bà Triệu Thị T; cư trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Bà Triệu Thị N; cư trú tại: Thôn 94, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Triệu Văn D, ông Triệu Văn Đ, ông Triệu Văn U, bà Triệu Thị T, bà Triệu Thị N: Ông Triệu Văn C (theo Biên bản họp gia đình ngày 24 tháng 8 năm 2016).

- Bị đơn:

1. Anh Triệu Văn N;
2. Anh Triệu Văn T.

Anh Triệu Văn N, anh Triệu Văn T cùng cư trú tại: Thôn K, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; cả hai có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn: Ông Bế Quang H- Luật sư Văn phòng Luật sư Hồng Sơn, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Địa chỉ: Khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện H: Ông Vũ Thành D, chuyên viên – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H (theo văn bản ủy quyền số 169/GUQ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND huyện H); vắng mặt.

2. Chị Triệu Thị N1; cư trú tại: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt
3. Chị Triệu Thị N2; cư trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.
4. Chị Triệu Thị H; cư trú tại: Thôn K, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.
5. Chị Triệu Thị H1; cư trú tại: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.
6. Chị Nông Thị P; cư trú tại: Thôn K, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người kháng cáo:

1. Anh Triệu Văn N là bị đơn;
2. Anh Triệu Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Hoàng Thị K và chồng là ông Triệu Văn T1 sinh được 08 con người con gồm: Triệu Văn D; Triệu Văn M (đã chết); Triệu Văn H (đã chết); Triệu Văn C; Triệu Thị T; Triệu Văn Đ; Triệu Thị N và Triệu Văn U; các anh Triệu Văn N, Triệu Văn T là con ông Triệu Văn H. Ngày 13/01/2016 bà Hoàng Thị K khởi kiện anh Triệu Văn N và anh Triệu Văn T yêu cầu được quản lý, sử dụng 03 thửa đất. Kết quả thu thập chứng cứ:

- Đất tranh chấp tại Thôn Đ có diện tích 360m², thửa số 04 tờ bản đồ số 165A4 thuộc Thôn K, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) mang tên hộ anh Triệu Văn N. Tài sản trên đất: Có 1,64m² sân lán xi măng của gia đình ông Triệu Văn U; 11 cây

vải thiều, 01 gốc cây hồng, 10 cây chuối (11 cây vải thiều do ông Triệu Văn H trồng; 10 cây chuối do anh Triệu Văn T trồng).

- Đất tranh chấp tại Thôn V, xã C gồm 02 thửa đất trồng lúa đều thuộc tờ bản đồ 165A, bản đồ địa chính xã C, huyện H, cả hai thửa chưa được cấp GCNQSDĐ, trên hai thửa đất ruộng không có tài sản: Thửa 175 có diện tích 198m²; thửa 170 có diện tích 707m².

Trong đơn khởi kiện ngày 13/01/2016 và các bản khai tiếp theo nguyên đơn bà Hoàng Thị K, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Triệu Văn C, nay là người đại diện kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng trình bày:

Khi sáu người con trai lập gia đình và ra ở riêng bà Hoàng Thị K đã chia ruộng đất cho các con, còn 02 con gái do đi lấy chồng không được chia. Việc chia ruộng đất đã được thực hiện và không ai có ý kiến gì. Khi chia ruộng, đất cho các con, bà Hoàng Thị K nhận ở cùng với gia đình ông Triệu văn H tại ngôi nhà của mình nên bà đã chia cho ông Triệu văn H nhiều đất hơn và bà đã để lại cho mình một thửa đất vườn và 02 thửa đất ruộng (là số diện tích đất hiện bà khởi kiện) không chia cho ai. Trong quá trình chung sống cùng với gia đình ông Triệu văn H, bà vẫn cho gia đình ông Triệu văn H cùng canh tác trên thửa đất vườn và 02 thửa ruộng dưỡng già của bà. Nguồn gốc đất là do vợ chồng bà khai phá, sử dụng. Sở dĩ bà không chia cho ai vì bà để canh tác, dưỡng già, khi nào bà chết con nào nhận trách nhiệm chăm lo hương hỏa cho bà thì sẽ được quản lý, sử dụng. Khi vợ chồng ông Triệu văn H chết, bà vẫn ở cùng các cháu Triệu Văn N và Triệu Văn T. Trong thời gian này, anh Triệu Văn N kê khai cấp đổi GCNQSDĐ vườn của bà, còn hai thửa đất ruộng tại Thôn V, xã C vẫn chưa được cấp GCNQSDĐ. Do bà bị Triệu Văn N và Triệu Văn T ngược đãi nên bà đã phải sang nhà ông Triệu Văn U ở. Nay bà yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích là 198m² thửa số 175 tờ bản đồ 165-A và thửa có diện tích 680m² thửa số 170 tờ bản đồ 165-A bản đồ địa chính xã C và đòi lại diện tích 360m² đất vườn tại Thôn K, xã C, huyện H. Đối với GCNQSDĐ số AE 123485 tên Triệu Văn N được Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 31/7/2006 bà Hoàng Thị K yêu cầu Tòa án hủy một phần GCNQSDĐ diện tích 360m² đất dưỡng lão của bà, bà chưa chia cho ai, cháu Triệu Văn N tự ý kê khai để được cấp GCNQSDĐ không được sự đồng ý của bà Hoàng Thị K.

Ông Triệu Văn C người đại diện kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án để thực hiện nguyện vọng của mẹ ông khi còn sống và giải quyết cho ông được nhận toàn bộ tài sản theo đơn khởi kiện của mẹ ông, để ông lo hương hỏa cho bố mẹ.

Các bị đơn:

Anh Triệu Văn N trình bày: Diện tích đất tranh chấp bố mẹ anh đã được bà Hoàng Thị K chia cho quản lý, sử dụng từ năm 1986. Sau khi ông nội (ông Triệu văn T1) mất, bà Hoàng Thị K ở cùng với gia đình anh tại căn nhà của ông bà xây từ trước. Năm 2004 bố anh (ông Triệu văn H) mất, năm 2006 khi lập gia đình và ra ở riêng mẹ anh là bà Hoàng Thị L đã chia cho anh được quản lý, sử dụng diện tích đất là 2.150m². Năm 2008 mẹ anh mất, bà Hoàng Thị K vẫn ở cùng với anh Triệu

Văn T. Hai anh em không ngược đãi bà, mà do anh Triệu Văn T còn trẻ nên đôi lúc nóng giận với bà. Hiện nay toàn bộ diện tích đất anh đã được cấp GCNQSDĐ anh vẫn đang quản lý, sử dụng, trong đó có cả diện tích 360m² trong tổng diện tích 2.150m² mà bà Hoàng Thị K đòi lại ở tại Thôn Đ, nay anh để cho anh Triệu Văn T sử dụng. Thửa đất ruộng có diện tích 198m² ở tại Thôn V, xã C, huyện H anh đang quản lý, sử dụng; còn thửa đất ruộng có diện tích 680m² ở tại thôn V anh Triệu Văn T đang quản lý, sử dụng. Anh không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị K. Bà tự ý bỏ đi sang sống với gia đình chú Triệu Văn U, anh mong muốn đón bà về nhưng do bà không chịu về.

Bị đơn anh Triệu Văn T trình bày: Nội dung cơ bản như lời trình bày của anh Triệu Văn N. Nguồn gốc đất tranh chấp là của bố mẹ anh cho hai anh em quản lý, sử dụng. Hiện nay anh đang quản lý, sử dụng diện tích đất vườn đang tranh chấp là 360m² trong tổng diện tích là 2.150m² đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ anh Triệu Văn N và 01 thửa đất ruộng tại thôn V có diện tích 680m² chưa được cấp GCNQSDĐ. Anh không đồng ý với các yêu cầu của bà Hoàng Thị K đối với anh. Còn phần diện tích đất ruộng là 198m² hiện nay anh Triệu Văn N đang quản lý sử dụng, do anh Triệu Văn N quyết định. Nếu bà về ở với anh, anh sẽ có trách nhiệm chăm lo cho bà. Còn đối với đất ruộng nếu bà muốn canh tác, anh hộ bà làm, khi thu hoạch bà sẽ được hưởng toàn bộ số hoa màu, anh sẽ không lấy gì. Nhưng diện tích đất vẫn phải là của anh vì anh đã nuôi bà 10 năm nay và anh đã canh tác trên đất ổn định từ trước đến nay và không có tranh chấp với ai. Anh cũng không đồng ý đối với yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số AE 123485 mang tên hộ anh Triệu Văn N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ý kiến của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H:

- Về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với hộ ông Triệu Văn N: Năm 1994 ông Triệu Văn H được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ (đất vườn, đất thổ cư) với diện tích 1.080m², diện tích do hộ gia đình tự kê khai, không có sổ thừa, sổ bản đồ vì tại thời điểm năm 1994 xã C chưa có bản đồ địa chính. Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1996 thì thửa đất có diện tích là 2.150m², thửa số 04, tờ bản đồ 165A4 do ông Triệu Văn H kê khai sử dụng tại sổ mục kê năm 1996. Năm 2006 bà Hoàng Thị L là mẹ đẻ của ông Triệu Văn N, Triệu Văn T có đơn xin cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ đã cấp cho gia đình bà từ năm 1994 do chồng bà là ông Triệu Văn H (đã chết), đồng thời tách cho con trai là Triệu Văn N một sổ thửa đất trong GCNQSDĐ đã cấp năm 1994, trong đó có thửa đất thổ cư và đất vườn diện tích 1.080m². Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cùng với UBND xã C đã tiến hành kiểm tra, xác minh và có biên bản làm việc về xác định diện tích đất thổ cư, đất vườn đã cấp cho gia đình bà Hoàng Thị L năm 1994 là thửa số 04 tờ bản đồ 165A4 bản đồ địa chính xã C đo đạc năm 1996 có diện tích 2.150m². Sau đó đã lập biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất và được các hộ ký xác nhận.

Về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Triệu Văn N đảm bảo đúng theo quy định. Do đó, UBND huyện H không có ý kiến gì về yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ của bà Hoàng Thị K.

- Đối với 02 thửa đất trồng lúa số 170 và số 175, tờ bản đồ địa chính số 165-A xã C. Qua kiểm tra, xác minh thấy nguồn gốc đất là của ông Triệu Văn H được bố mẹ chia cho, ông Triệu Văn H đã đăng ký kê khai chủ sử dụng đất đối với 02 thửa đất ruộng tại sổ mục kê lập năm 1996. Đất chưa được cấp GCNQSDĐ cho bất kỳ hộ gia đình hay cá nhân nào.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ: Ông Triệu Văn D, ông Triệu Văn Đ, ông Triệu Văn U, bà Triệu Thị T, bà Triệu Thị N đều nhất trí với yêu cầu của bà Hoàng Thị K và ông Triệu Văn C không bổ sung thêm vấn đề gì.

Đối với phần sân láng bê tông diện tích $1,64m^2$ của ông Triệu Văn U làm lấn sang diện tích $360m^2$ của bà Hoàng Thị K, ông Triệu Văn U trình bày: Qua xem xét thẩm định tại chỗ gia đình ông đã láng bê tông làm sân lấn sang diện tích đất của bà với diện tích là $1,64m^2$. Ông đồng ý sẽ trả lại diện tích đất $1,64m^2$ đã láng bê tông cho ông Triệu Văn C quản lý, sử dụng và ông không yêu cầu ông Triệu Văn C phải bồi thường giá trị diện tích $1,64m^2$ sân bê tông.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Triệu Thị N1, Triệu Thị N2, Triệu Thị H, Triệu Thị H1 và chị Nông Thị P. Điều từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không có mặt theo các thông báo của Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện H, đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của người đại diện của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Triệu Văn C.

Ông Triệu Văn C được quản lý, sử dụng những diện tích đất sau:

- Đất có diện tích $360m^2$, thửa số 04 tờ bản đồ số 165A4 thuộc Thôn K, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (có vị trí tiếp giáp của thửa đất).

- Đất tại thửa 175, tờ bản đồ 165A, bản đồ địa chính xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có diện tích $198m^2$, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có vị trí tiếp giáp của thửa đất).

- Đất tại thửa 170, tờ bản đồ 165A, bản đồ địa chính xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có diện tích $707m^2$, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có vị trí tiếp giáp của thửa đất).

Ông Triệu Văn C có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan quản lý đất đai.

2. Về tài sản trên đất tranh chấp:

- Giao cho ông Triệu Văn C được quản lý, sử dụng 11 cây vải thiều, 10 cây chuối và 01 phần sân láng xi măng có diện tích $1,64m^2$.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Triệu Văn C là người đại diện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng yêu cầu được hưởng một phần giá trị công sức trồng nom, chăm sóc tài sản trên đất là 11 cây vải thiều, với số tiền là 6.108.000 đồng;

- Buộc ông Triệu Văn C thanh toán giá trị tài sản trên đất cho anh Triệu Văn N là 12.218.00 đồng, cho anh Triệu Văn T là 170.000 đồng.

3. Về yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Chấp nhận yêu cầu của ông Triệu Văn C là người đại diện của người Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE123485, ngày 31/7/2006 Ủy ban nhân dân huyện H đã cấp cho hộ ông Triệu Văn N với tổng diện tích đất vườn là 360m².

Phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 165A4, tờ bản đồ số 4 Thôn K, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn do Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AE 1123485, ngày 31/7/2006 đứng tên hộ anh Triệu Văn N (theo Quyết định số: 292/QĐ-UBND, ngày 31/7/2006 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn, quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) giữ nguyên giá trị pháp lý.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/12/2016, anh Triệu Văn N và anh Triệu Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do: Bản án sơ thẩm xét xử không khách quan; khi xét xử sơ thẩm không thông báo cho các anh biết.

Đơn kháng cáo của anh Triệu Văn N và anh Triệu Văn T quá thời hạn theo quy định, nhưng đã được Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn chấp nhận kháng cáo quá hạn tại Quyết định số 02/2017/QĐ-PT ngày 26/4/2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Triệu Văn N và anh Triệu Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn:

- Về nội dung: Không có chứng cứ chứng minh diện tích đất tranh chấp là phần đất dưỡng lão của bà Hoàng Thị K. Bà Hoàng Thị K sống với gia đình ông Triệu văn H. Sau khi vợ chồng ông Triệu văn H chết thì tiếp tục sống với anh Triệu Văn T do đó nếu có chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị K thì cũng cần tính công người trông coi, quản lý đất.

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán Lành Văn H đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án (Quyết định số 05 ngày 12/8/2015) lại tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án với tư cách Thẩm phán chủ tọa phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho TAND huyện H giải quyết lại vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm;

- Xét nội dung kháng cáo: Tòa án sơ thẩm có một số vi phạm thủ tục tố tụng đề nghị hủy án để giải quyết lại.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng; ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng thấy rằng, năm 2014, bà Hoàng Thị K đã khởi kiện anh Triệu Văn N, Triệu Văn T yêu cầu quản lý sử dụng đối với diện tích đất hiện nay đang tranh chấp. Thẩm phán Lành Văn H đã tham gia giải quyết và ngày 12/8/2015 Thẩm phán Lành Văn H ra Quyết định số 05/2015/QĐST- DS về việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự với lý do nguyên đơn bà Hoàng Thị K rút đơn khởi kiện. Do vậy, trong vụ án này Thẩm phán Lành Văn H thuộc trường hợp phải thay đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 53 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng Thẩm phán Lành Văn H lại tiến hành tố tụng với tư cách Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên cần chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

[2] Ngoài ra, trong việc giao, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án cấp sơ thẩm cho các bị đơn là anh Triệu Văn N và anh Triệu Văn T chưa tuân thủ đúng các quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó việc xét xử sơ thẩm vắng mặt các bị đơn chưa đảm bảo theo quy định, ảnh hưởng đến việc tham gia phiên tòa sơ thẩm để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Triệu Văn N và anh Triệu Văn T.

[3] Do cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng nên phải hủy án sơ thẩm, chuyển toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện H để giải quyết lại. Vì vậy cấp phúc thẩm chưa xem xét đánh giá về nội dung vụ án.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Triệu Văn C trình bày ông Triệu Văn D đã chết năm 2016. Do đó khi xem xét giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải thu thập tài liệu về việc ông Triệu Văn D đã chết và đưa người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Triệu Văn D vào tham gia tố tụng.

[5] Về án phí: Do cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên anh Triệu Văn N, anh Triệu Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm; tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 2 Điều 310; khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa nguyên đơn bà Hoàng Thị K và bị đơn anh Triệu Văn N, Triệu Văn T về tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi lại tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện H giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Chi phí định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Triệu Văn N, Triệu Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Triệu Văn N số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số AA/2012/04458 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H; hoàn trả cho anh Triệu Văn T số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2012/04459 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
 - VKSNDCC tại Hà Nội;
 - VKSND tỉnh Lạng Sơn;
 - TAND huyện H;
 - CCTHADS huyện H;
 - Các đương sự;
 - Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa dân sự;
- HCTP; KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trung Vân